TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2018
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Hoàng Diệu.**
2. Bà **Ngô Thị Như Ý.**

Thư ký Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Ngân -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 207/2017/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 và Quyết định tiếp tục phiên tòa số: 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lư Ng Nh** - sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Chị **Phạm Th Tr** - sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C.**

Phòng giao dịch huyện P - Chi nhánh Ngân hàng C.

Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Vũ V H** - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch huyện P (Theo văn bản ủy quyền số 25 ngày 02 tháng 02 năm 2018).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2017 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Lư Ng Nh trình bày và yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lư Ng Nh và chị Phạm Th Tr tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1998 (Không nhớ ngày tháng), nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đời sống chung không hạnh phúc nên anh Nh yêu cầu được ly hôn chị Tr.

- Về con: Anh Lư Ng Nh và chị Phạm Th Tr có hai con chung là Lư Ch Ng - sinh năm 1999 đã thành niên và có khả năng lao động kiếm sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Lư T D - sinh ngày 12 tháng 4 năm 2003 thì anh Nh tôn trọng nguyện vọng của cháu D, nếu cháu D muốn sống chung với chị Tr thì anh Nh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu D theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Anh Nh xác định anh và chị Tr không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh Nh xác định anh và chị Tr có vay tiền tại Ngân hàng C số tiền 20.000.000đ tại khế ước số 6000006100055778 vào ngày 17/12/2013, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/12/2016, lãi suất cho vay là 0,65%/tháng và lãi suất nợ quá hạn là 130%/tháng. Tính đến ngày 15 tháng 01 năm 2018 nợ gốc là 20.000.000đ và lãi suất là 4.301.452đ. Anh Nh đề nghị một mình chị Tr có nghĩa vụ trả số tiền nợ này cho Ngân hàng.

* Bị đơn chị Phạm Th Tr trình bày: Chị Tr thống nhất toàn bộ trình bày và yêu cầu của anh Nh. Tuy nhiên, chị Tr đề nghị được trả nợ dần cho Ngân hàng, mỗi tháng chị Tr sẽ trả cho Ngân hàng số tiền 1.500.000đ cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

* Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng anh Vũ Viết Hùng xác định: Anh Lư Ng Nh vay và người thừa kế Phạm Th Tr tại Ngân hàng theo giấy đề nghị vay vốn và kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay hộ nghèo và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ thể hiện tại khế ước số 6000006100055778 vay 20.000.000đ vào ngày 17/12/2013, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/12/2016, lãi suất cho vay là 0,65%/tháng và lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất cho vay/tháng. Hiện tại anh Nh và chị Tr còn nợ gốc tại Ngân hàng là 20.000.000đ và lãi xuất tính đến ngày 15 tháng 01 năm 2018 là 4.301.452đ và lãi suất phát sinh từ ngày 16/01/2018. Ngân hàng đồng ý một mình chị Tr có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đồng ý chị Tr trả nợ dần với phương thức trả hàng tháng, một tháng chị Trang trả cho Ngân hàng 1.500.000đ.

**** Tại phiên tòa:***

- Các đương sự có đề nghị được xét xử vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có nộp văn bản thể hiện có ý kiến khác đối với các ý kiến đã trình bày.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự trong vụ án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lư Ng Nh và chị Phạm Th Tr.

+ Về con: Giao cháu Lư T D sinh ngày 12 tháng 4 năm 2003 cho chị Tr tiếp tục nuôi, anh Nh có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Buộc anh Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lư T D với mức 650.000đ/tháng đến khi cháu D tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Đương sự xác định không có tài sản chung, nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nghĩa vụ trả nợ. Buộc chị Phạm Th Tr có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 20.000.000đ, lãi suất đến ngày 15 tháng 01 năm 2018 là 4.301.452đ và lãi suất phát sinh sau ngày 15 tháng 01 năm 2018 trên nợ gốc theo khế ước số 6000006100055778 ngày 17/12/2013.

**** Các tình tiết của vụ án:***

- Anh Nh và chị Tr sống chung như vợ chồng từ năm 1998, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

- Anh Nh và chị Tr thống nhất không yêu cầu giải quyết đối với con đã thành niên tên Lư Ch Ng - sinh năm 1999, đối với con chung còn lại là Lư T D - sinh ngày 12 tháng 4 năm 2003 thống nhất con theo ai người đó nuôi, cháu, cháu D có nguyện vọng sống chung chị Tr. Anh Nh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 650.000đ đến khi cháu D tròn 18 tuổi.

- Anh Nh và chị Tr không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất chị Tr có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 20.000.000đ và lãi suất đến ngày 15 tháng 01 năm 2018 là 4.301.452đ cộng với lãi suất phát sinh sau ngày 15 tháng 01 năm 2018 theo khế ước số 6000006100055778 ngày 17/12/2013, việc trả nợ được thực hiện hàng tháng, mỗi tháng trả 1.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Anh Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Tr, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do các đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của anh Nh về hôn nhân: Anh Nh và chị Tr sống chung như vợ chồng từ năm 1998, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay anh Nh yêu cầu ly hôn chị Tr, Hội đồng xét xử áp dụng khoảng 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lư Ng Nh và Phạm Th Tr.

[4] Xét về quan hệ con:

4.1/ Quyền trực tiếp nuôi con chung:

- Anh Nh và chị Tr có hai con chung. Trong đó, cháu Lư Ch Ng - sinh năm 1999 đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, đồng thời anh Nh cùng với chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu Nguyện, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Riêng cháu Lư T D - sinh ngày 12 tháng 4 năm 2003, khi Tòa án làm việc với cháu thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung chị Tr, anh Nh và chị Tr cũng đồng ý với nguyện vọng của cháu D, nên Hội đồng xét xử giao cháu Lư T D cho chị Tr tiếp tục nuôi, anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

4.2/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu D theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử buộc anh Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D theo phương thức định hỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng là 650.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 12 tháng 3 năm 2018) đến khi cháu D tròn 18 tuổi.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Do Anh Nh và chị Tr xác định anh, chị không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ: Do người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng, anh Nh và chị Tr thỏa thuận được phương thức thanh toán nợ, thỏa thuận này không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc chị Tr có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền nợ vay là 20.000.000đ gốc, lãi suất đến ngay 15 tháng 01 năm 2018 là 4.301.452đ và lãi suất phát sinh sau ngày 15 tháng 01 năm 2018 trên nợ gốc theo khế ước số 6000006100055778 ngày 17/12/2013, phương thức trả nợ là định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả số tiền 1.500.000đ.

[7] Về án phí trong vụ án:

- Buộc anh Nh phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

- Về án phí cấp dưỡng: Anh Nh có nghĩa vụ chịu án phí cấp dưỡng nuôi con. Do anh Nh và chị Tr thỏa thuận với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con tại phiên hòa giải, nên anh Nh chỉ phải chịu án phí là 150.000đ.

- Buộc chị Tr phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ. Do các đương sự đã thỏa thuận được về việc trả nợ tại phiên hòa giải, nên chị Tr chỉ phải chịu 50% số tiền án phí là 607.500đ.

- Ngân hàng không phải chịu án phí.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, 9, 29, 33, 55, 81, 82, 83, 107, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lư Ng Nh và chị Phạm Th Tr.

2. Về quan hệ con: Giao cháu Lư T D - sinh ngày 12 tháng 4 năm 2003 cho chị Tr tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Buộc anh Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D theo phương thức định kỳ hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 650.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 12 tháng 3 năm 2018 đến khi cháu D tròn 18 tuổi.

3 Về quan hệ tài sản chung: Do anh Nh và chị Tr xác định anh chị không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ: Buộc chị Phạm Th Tr có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền nợ vay gốc là 20.000.000đ, lãi suất tính đến ngay 15 tháng 01 năm 2018 là 4.301.452đ và lãi suất phát sinh sau ngày 15 tháng 01 năm 2018 trên nợ gốc theo khế ước số 6000006100055778 ngày 17/12/2013, phương thức trả nợ được thực hiện định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả số tiền 1.500.000đ.

5. Về án phí:

- Buộc anh Nh phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000đ. Anh Nh đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại biên lai thu số 0010288 ngày 13 tháng 10 năm 2017, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ, anh Nh phải nộp thêm số tiền 150.000đ.

- Buộc chị Phạm Th Tr phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ với số tiền án phí là 607.500đ.

- Ngân hàng không phải chịu án phí.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang